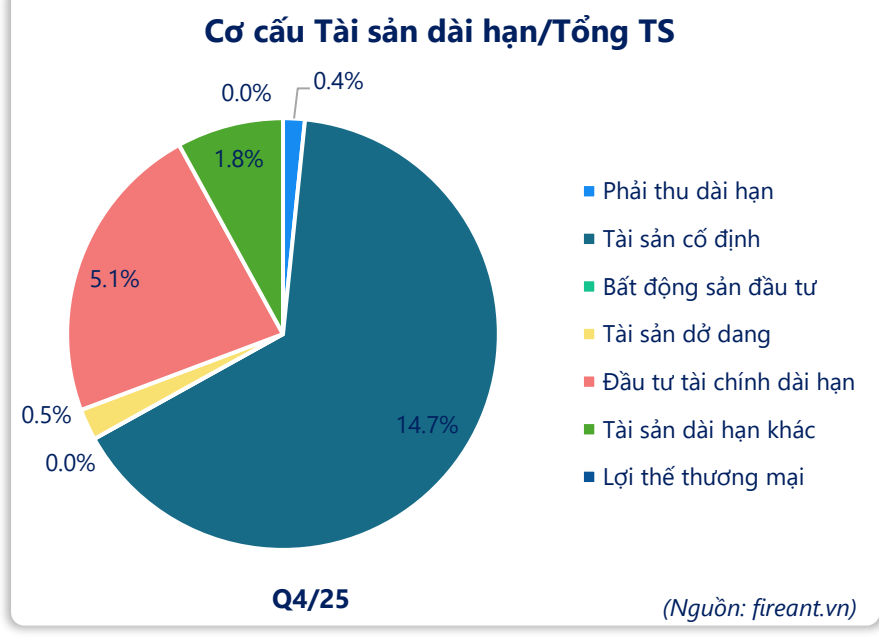
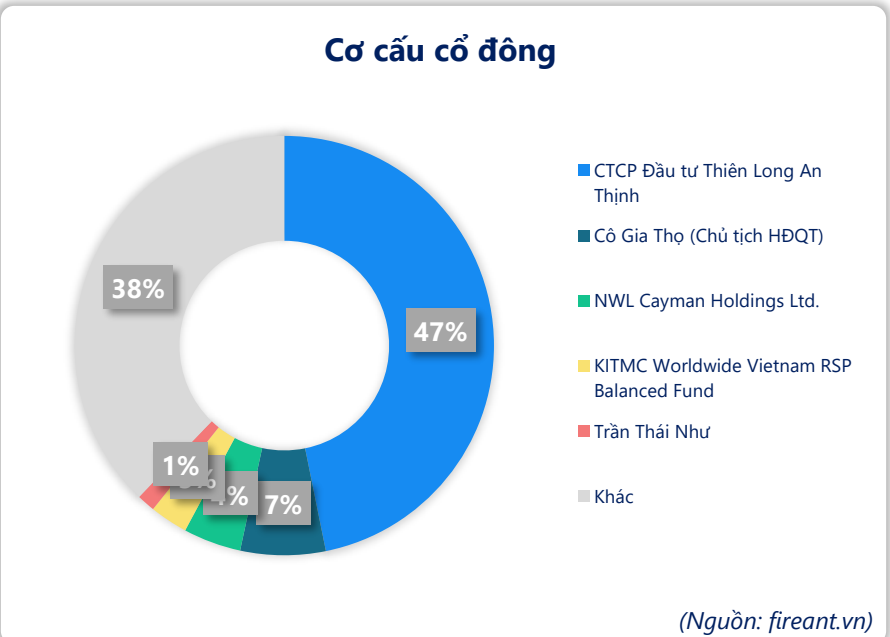
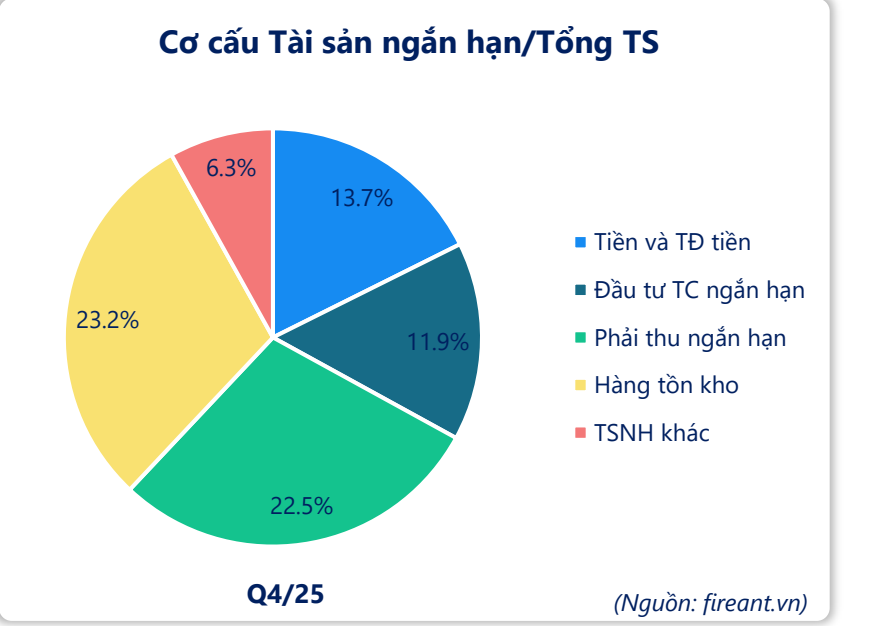
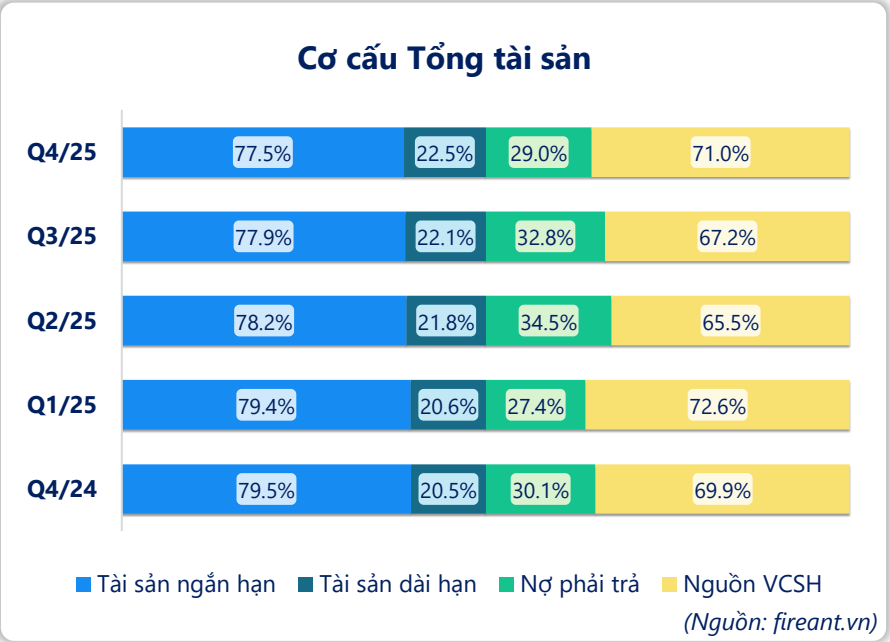
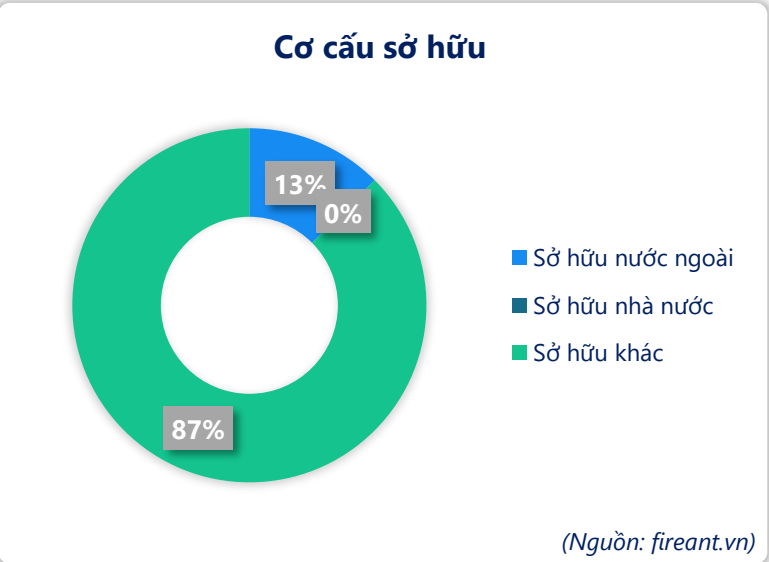
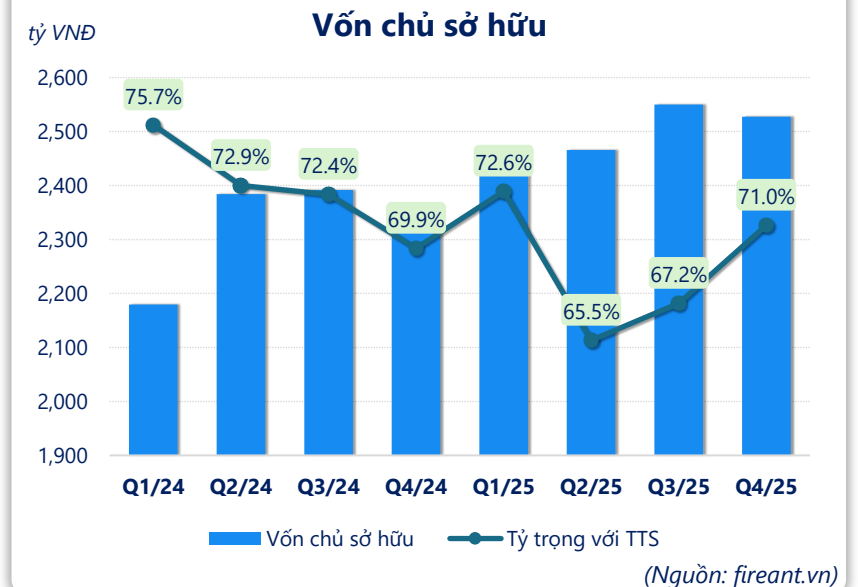
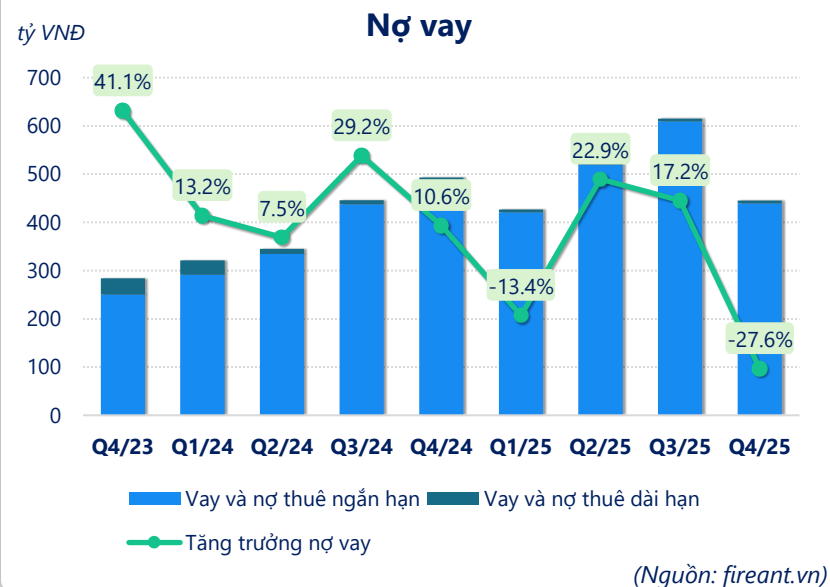
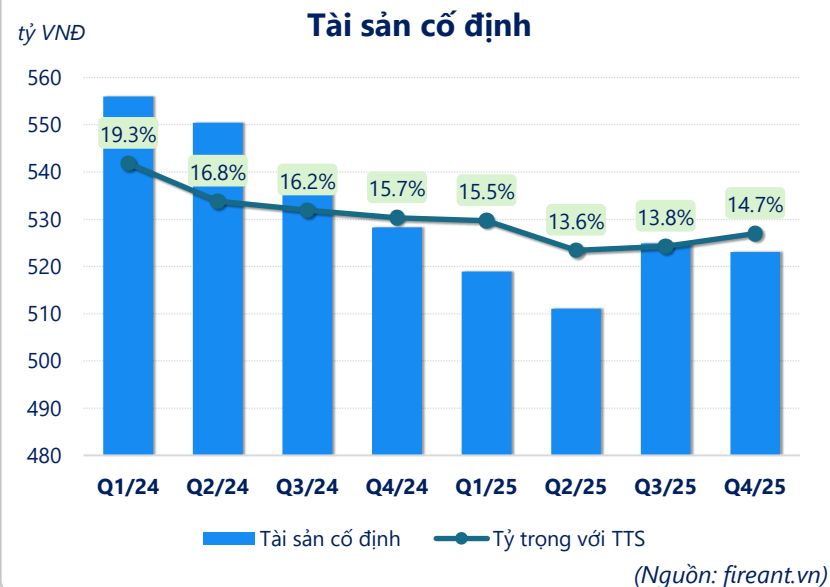
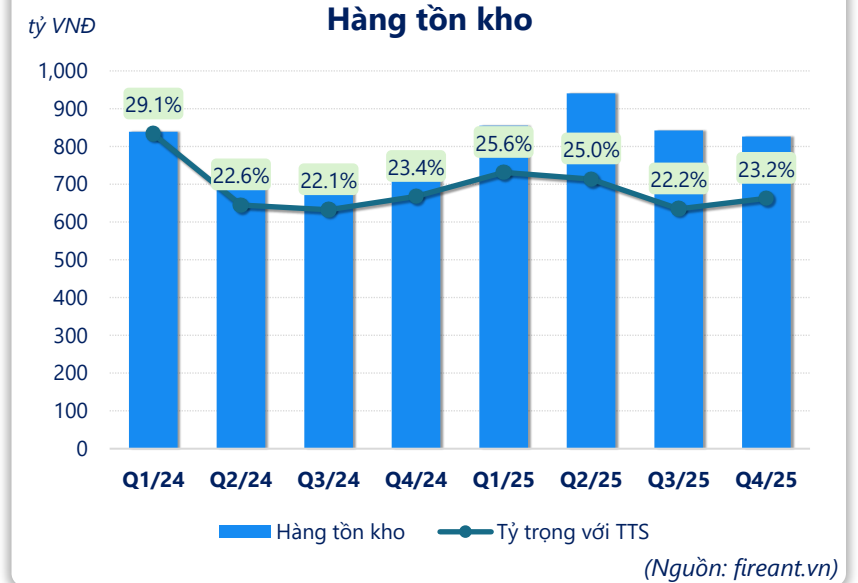
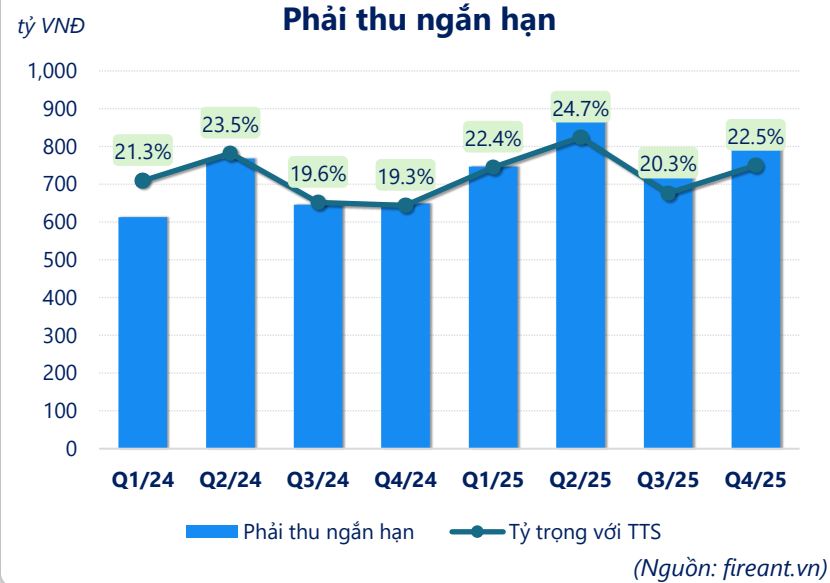
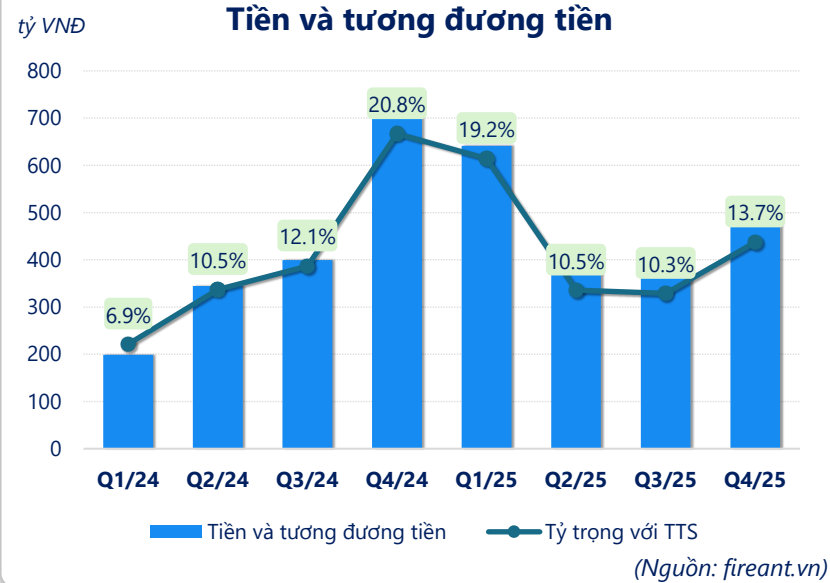
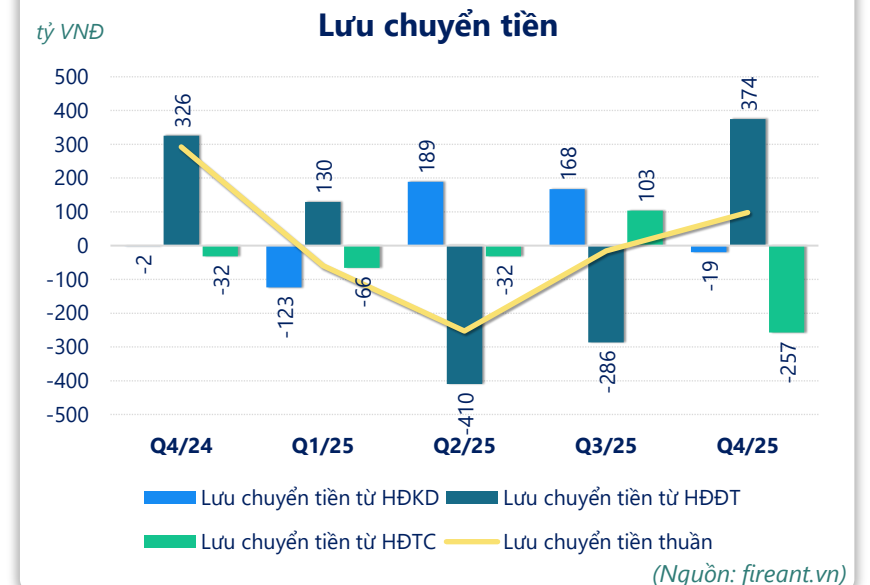
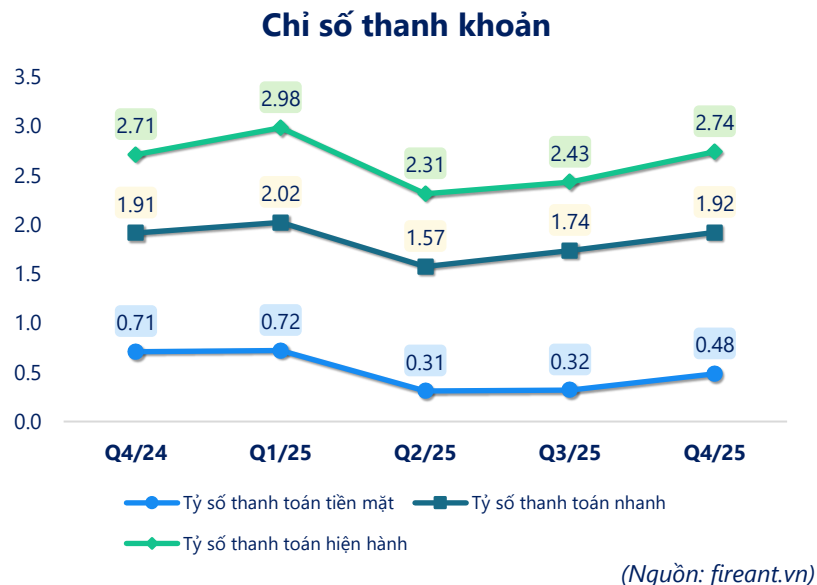
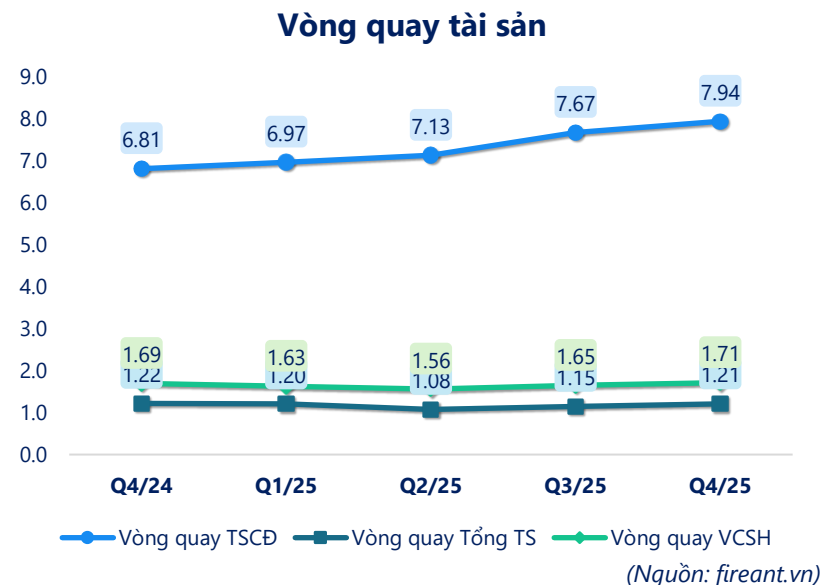
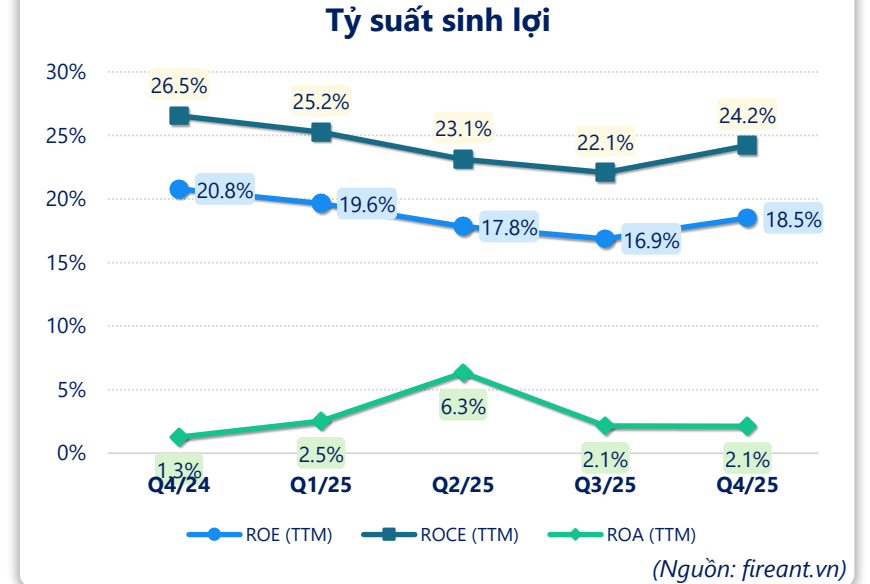
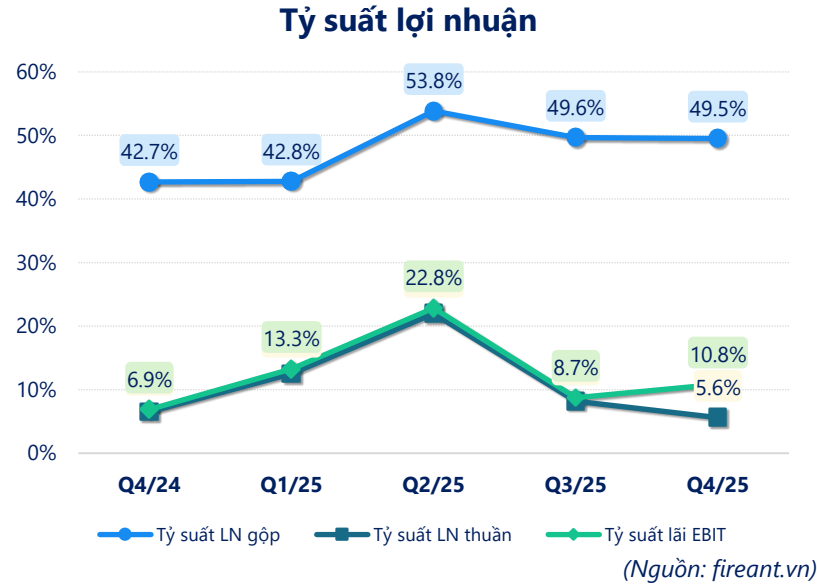
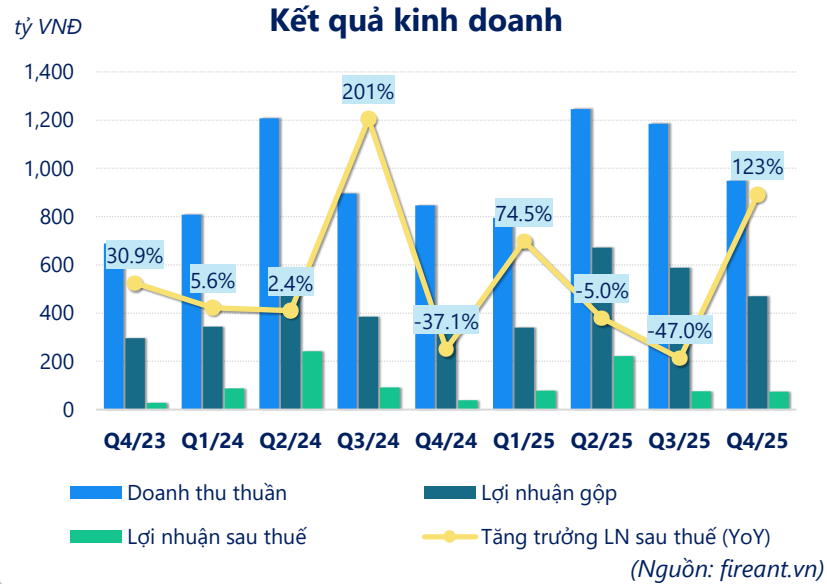


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		49,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		61,707
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		37,225
SL cổ phiếu LH		96,528,340
KLGD BQ 20 phiên (CP)		577,005
% sở hữu nước ngoài		12.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,797
P/E		10.6
EPS		4,675

	YTD	1T	3T	6T
TLG	-9.6%	-13.4%	3.7%	1.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,562	3,360	6.0%
Tài sản ngắn hạn	2,761	2,671	3.4%
Tiền và tương đương tiền	487	700	-30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	424	361	17.4%
Phải thu ngắn hạn	801	649	23.5%
Hàng tồn kho	826	785	5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	223	176	26.7%
Tài sản dài hạn	801	689	16.3%
Phải thu dài hạn	13.1	14.7	-11.2%
Tài sản cố định	523	528	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.8	20.4	-7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	182	64.2	183%
Tài sản dài hạn khác	64.0	61.2	4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,034	1,012	2.1%
Nợ ngắn hạn	1,008	986	2.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	487	-9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	270	260	3.9%
Nợ dài hạn	26.1	26.7	-2.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.20	6.20	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,528	2,347	7.7%
Vốn chủ sở hữu	2,528	2,347	7.7%
Vốn điều lệ	965	865	11.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	847	794	1,246	1,184	949
Giá vốn hàng bán	485	455	575	596	479
Lợi nhuận gộp	361	340	671	588	470
Doanh thu HĐTC	22.3	9.58	17.8	13.9	14.8
Chi phí TC	7.21	6.16	11.2	9.22	8.16
Chi phí lãi vay	3.73	4.77	4.96	6.34	5.82
LN trong công ty LKLD	1.20	0	3.61	0.34	-1.75
Chi phí bán hàng	216	165	325	415	334
Chi phí QLDN	106	78.9	82.4	81.3	87.6
LN thuần từ HĐKD	55.4	99.6	274	96.6	53.1
Lợi nhuận khác	-0.82	1.18	5.87	0.61	43.8
LN trước thuế	54.5	101	280	97.2	97.0
Lợi nhuận sau thuế	39.0	78.4	222	75.7	73.9
LNST của CĐ cty mẹ	39.2	78.9	223	76.1	73.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.89	-123	189	168	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	326	130	-410	-286	374
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.8	-65.9	-31.8	103	-257
Tiền đầu kỳ	399	700	641	395	389
Lưu chuyển tiền thuần	292	-59.7	-253	-15.4	97.6
Ảnh hưởng tỷ giá	8.70	0.95	6.54	9.88	-0.06
Tiền cuối kỳ	700	641	395	389	487

(Nguồn: fireant.vn)